

Bản án số: 50/2026/HS-ST
Ngày: 31-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - NGHỆ AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thị Kim Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Liên và ông Phạm Văn Sơn.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Nghệ An tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Nghệ An, mở phiên tòa trực tuyến xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2026/TLST-HS ngày 17/3/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2026/QĐXXST – HS ngày 18 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Hoàng G** (tên gọi khác: không); sinh ngày 02 tháng 01 năm 1995 tại **xã L, tỉnh Đồng Tháp**; nơi thường trú: **1 C, phường R, tỉnh An Giang**; nơi tạm trú: **xóm S, xã Q, tỉnh Nghệ An**; nơi ở hiện tại: **xóm S, xã Q, tỉnh Nghệ An**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Hoàng N**, sinh năm 1970 và bà **Văn Ngọc P**, sinh năm 1970; Vợ: **Trần Ngọc Minh C**, sinh năm 1996 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2018, con nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ; tạm giam từ ngày **07/01/2026 đến nay** (có mặt).

- Bị hại: anh **Phạm Việt M.** (vắng mặt)

Trú tại: **xã Q, tỉnh Nghệ An.**

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Thạch Văn Đ**, sinh năm 1991. (vắng mặt)

Trú tại: **xóm T, xã D, tỉnh Nghệ An.**

2. chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1987. (vắng mặt)

Trú tại: **xóm N, xã Q, tỉnh Nghệ An.**

3. anh **Ngô Sỹ C1**, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Trú tại: **xóm S, xã Q, tỉnh Nghệ An.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 12 giờ 00 phút ngày 31/12/2025, **Trần Hoàng G** đến nhà anh **Phạm Việt M** (sinh năm 1998, trú tại **xóm T, xã Q, tỉnh Nghệ An**) để rủ anh **M** đi ăn trưa. Tại đây, **G** nhìn thấy 01 (một) chiếc máy tính xách tay (laptop) màu đen, nhãn hiệu Acer Nitro V15 đặt trên chiếc loa thùng ở trước cửa chính phòng khách nên **G** nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. **G** quan sát xung quanh thấy không có ai nên đi vào lấy chiếc máy tính rồi đi bộ ra đường liên **xã G xóm S, xã Q** bắt xe ôm đi đến cửa hàng điện thoại “**H**” thuộc **xóm T, xã D, tỉnh Nghệ An** bán chiếc máy tính trên cho anh **Thạch Văn Đ** (chủ cửa hàng điện thoại) lấy 5.000.0000 đồng(năm triệu đồng) và tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua máy tính của **G**, anh **Thạch Văn Đ** bán cho chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1987 trú tại **xóm N, xã Q, tỉnh Nghệ An** với giá 6.200.000 đồng và chị **T** bán lại cho anh **Ngô Sỹ C1**, sinh năm 1986, trú tại **xóm S, xã Q, tỉnh Nghệ An** được số tiền 8.700.000 đồng.

Ngày 06/01/2026, anh **Phạm Việt M** đã gửi đơn trình báo về việc bị mất tài sản đến Cơ quan **Công an xã Q, tỉnh Nghệ An**.

Đến ngày 07/01/2026, **Trần Hoàng G** đến **Công an xã Q** đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01 ngày 12/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự **xã Q, tỉnh Nghệ An** đã kết luận: Giá trị tài sản của 01(một) chiếc máy tính xách tay laptop dòng nhãn hiệu Acer Nitro V15, **M1** sản xuất năm 2024, màu sơn vỏ màu đen, máy đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, có giá trị là: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng chẵn).

Tại Cơ quan điều tra **Công an tỉnh N**, **Trần Hoàng G** đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị hại, các tài liệu chứng cứ đã thu thập được và vật chứng thu giữ.

Về vật chứng: 01 (một) chiếc máy tính xách tay (laptop) màu đen, nhãn hiệu Acer Nitro V15, Model ANV15-4, máy đã qua sử dụng do anh **Ngô Sỹ C1** giao nộp. Cơ quan điều tra **Công an tỉnh N** đã trả lại chiếc máy tính trên cho anh **Phạm Việt M**

Về trách nhiệm dân sự

Bị hại: anh **Phạm Việt M** đã nhận lại chiếc máy tính nên không có yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh **Thạch Văn Đ**, chị **Nguyễn Thị T** và anh **Ngô Sỹ C1** không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKSĐC ngày 16/03/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Nghệ An truy tố bị cáo **Trần Hoàng G** phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo **Trần Hoàng G** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Nghệ An. Bị cáo bị truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Nghệ An trình bày lời luận tội đối với bị cáo **Trần Hoàng G**: giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị kết tội các bị cáo **Trần Hoàng G** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự theo toàn bộ nội dung cáo trạng. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Trần Hoàng G** từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét;

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh N**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Nghệ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai và xét thấy việc vắng mặt của những người này không gây trở ngại đến việc giải quyết vụ án, căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] *Về tội danh*: Lời khai của bị cáo **Trần Hoàng G** tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, biên bản tiếp nhận người phạm

tội ra đầu thú, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, lời khai của người chứng kiến, kết luận định giá tài sản ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã Q, tỉnh Nghệ An, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 12 giờ 15 phút ngày 31/12/2025, tại nhà anh Phạm Việt M trú tại xóm S, xã Q, tỉnh Nghệ An; Trần Hoàng G đã có hành vi trộm cắp 01 (Một) chiếc máy tính xách tay (laptop) màu đen, nhãn hiệu Acer Nitro V15 của anh Phạm Việt M trị giá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Vì vậy hành vi của bị cáo Trần Hoàng G đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Nghệ An truy tố Trần Hoàng G về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] *Tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo:* Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần thiết phải có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Hoàng G trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khắc phục hậu quả, đầu thú là tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, mà áp dụng hình phạt tù ở mức thấp nhất trong khung hình phạt, như đề nghị của Viện kiểm sát, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[7] *Về vật chứng vụ án:* Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] *Về án phí:* Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[10] *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa

vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: **Xử phạt bị cáo Trần Hoàng G 06 (sáu)** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 07/01/2026).

2. Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Việc xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 3- Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Công an tỉnh Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo;
- UBND xã Quảng Châu, phường
Rạch Giá.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**đã ký
Võ Thị Kim Dung**

